

Bản án số: 169/2024/DS-ST
Ngày 12 - 8 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái

Ông Nguyễn Minh Trọn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Quách Văn C, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Lê Phương B, sinh năm 1974 (vắng mặt).

2. Bà Đào Thị T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị Đ, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông C trình bày:

Ngày 11/02/2022 âm lịch, ông có cho ông B và bà T mượn số tiền 100.000.000 đồng, khi mượn chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có biên nhận, không tính lãi và có thỏa thuận khi nào ông cất nhà thì ông B, bà T trả lại tiền. Tuy nhiên đến nay ông cất nhà và yêu cầu ông B, bà T trả lại tiền thì ông B bà T không đồng ý, nay ông yêu cầu ông B, bà T trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Ông xác định đây là tài sản chung của ông và bà Đào Thị Đ, ông và bà Đ ly hôn vào năm 2022, khi ly hôn ông và bà Đ tự thỏa thuận về tài sản, trong đó có thỏa thuận số tiền 100.000.000 đồng này giao cho ông để ông nuôi con.

Bị đơn ông B, bà T trình bày:

Tháng 4 năm 2018 ông bà có cho vợ chồng ông C mượn số tiền 100.000.000 đồng, khi mượn có thỏa thuận ông bà cho mượn thời gian bao lâu thì sau khi ông bà cần ông C cho mượn lại thời gian bấy lâu, đến khoảng tháng 4 năm 2022 âm lịch, ông C trả cho ông bà số tiền 100.000.000 đồng và ông bà có mượn lại ông C 100.000.000 đồng để xây nhà, việc mượn không làm biên nhận, không tính lãi. Nay ông C khởi kiện, ông bà thống nhất có nợ ông C số tiền 100.000.000 đồng và đồng ý trả, tuy nhiên ông bà chỉ đồng ý trả khi đến hạn thỏa thuận là tháng 4 năm 2026 âm lịch và trả cho ông C và bà Đ chứ không trả riêng cho ông C vì khi mượn là mượn chung vợ chồng ông C, bà Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ trình bày:

Bà xác định số tiền 100.000.000 đồng là tiền của bà, việc ông C khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền này bà không đồng ý. Số tiền này trước đây là tài sản chung vợ chồng nhưng khi ly hôn ông bà đã thỏa thuận bà được hưởng số tiền này nên ông C không có quyền yêu cầu, bà không yêu cầu trong vụ án này, khi đến thời hạn thanh toán bà sẽ yêu cầu ông B, bà T trả cho bà.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 50.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng là của bà Đ vì đây là tài sản chung của ông và bà Đ chưa phân chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông B, bà T, bà Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 50.000.000 đồng, do đó được xác định là nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng.

Nguyên đơn xác định đây là tài sản chung của ông và bà Đ nên yêu cầu bị đơn trả cho ông 50.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng là của bà Đ. Bà Đ xác định đây là tài sản riêng của bà, ông C không có quyền yêu cầu. Bị đơn chỉ thống nhất số tiền nợ nhưng cho rằng chưa đến thời hạn thanh toán.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Đ xác định số tiền 100.000.000 đồng thời điểm cho bị đơn vay là tài sản chung nhưng sau khi ly hôn thì bà và ông C thỏa thuận bà được hưởng số tiền này, ông C không đồng ý và xác định đây là tài sản chung của ông với bà Đ nên ông yêu cầu mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$. Lời trình bày của ông C phù hợp với lời trình bày của ông B, bà T thể hiện ông bà có nợ vợ chồng ông C 100.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả cho ông C, bà Đ, bà Đ cũng xác định thời điểm cho vay số tiền này là tài sản chung, theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 55/2022/QĐCNTTLH ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thì ông bà chưa phân chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn, bà Đ không đưa ra được chứng cứ chứng minh sau khi ly hôn ông bà có thỏa thuận là bà được hưởng số tiền này.

Do đó có cơ sở xác định 100.000.000 đồng nêu trên là tài sản chung của ông C và bà Đ chưa phân chia nên ông C và bà Đ mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ là phù hợp.

Đối với bị đơn thống nhất số tiền nợ nêu trên và cho rằng theo thỏa thuận thì đến tháng 4 năm 2026 âm lịch mới đến hạn trả, ngoài lời trình bày thì bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh hai bên có thỏa thuận về thời hạn trả nợ, nguyên đơn không thừa nhận có thỏa thuận này nên lời trình bày của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng.

[5] Đối với số tiền 50.000.000 đồng còn lại, ông B, bà T có nghĩa vụ trả cho bà Đ nhưng bà Đ không có yêu cầu trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu 2.500.000 đồng.

- Nguyên đơn không phải chịu, được nhận lại số tiền đã dự nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn C. Buộc ông Lê Phương B và bà Đào Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông C số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Quách Văn C không phải chịu, hoàn trả lại cho ông C 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003660 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Ông Lê Phương B và bà Đào Thị T phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), chưa nộp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Việt Khải

Nguyễn Minh Trọn

Hồ Dũng Liêm